

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2019

“V/v Ly hôn, con chung giữa chị L
và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Kim L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 64, đường X, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị L; vắng mặt anh T có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 21/3/2019, nguyên đơn chị Đàm Thị Kim L trình bày:

Chị L và anh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự

nguyên kết hôn. Sau khi kết hôn, anh T đi công tác tại Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Hải Thịnh, chị Liễn vẫn ở nhà bố mẹ đẻ chị tại thành phố Nam Định. Vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau và nhiều lần anh T còn dùng những lời nói xúc phạm đến chị L và gia đình chị. Vợ chồng không thống nhất được nơi ở và sinh hoạt. Hai bên gia đình đã hòa giải, vợ chồng đã đoàn tụ đến khoảng tháng 6/2018 thì lại xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm của chị đối với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 4/3/2016. Hiện nay con đang ở với chị L, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2019, bị đơn anh Đỗ Quang T có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình kết hôn, chung sống, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh T là do cuộc sống vợ chồng bất đồng về tình cảm, kinh tế và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã gặp gỡ hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn sau đó lại xảy ra mâu thuẫn, do chị L không thay đổi tính cách lối sống, thường bỏ bê gia đình. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh T đã khuyên chị về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị L vẫn nhất quyết xin ly hôn, do đó anh T cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T khai thống nhất với chị L về con chung, sau khi ly hôn, anh T nhất trí để con chung cho chị L nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đàm Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T, yêu cầu về con chung như đã trình bày, chị nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con mà anh T đã đưa ra là 1.500.000đ/tháng. Bị đơn anh Đỗ Quang T vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Quang T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đàm Thị Kim L và anh Đỗ Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 23/6/2015. Vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tình cảm, kinh tế và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung, vợ chồng không thống nhất được nơi ở và sinh hoạt. Hai bên gia đình đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng sau đó vẫn xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 04/3/2016, hiện nay con chung đang ở với chị L. Xét điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của hai bên hiện nay thì thấy: Chị L có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh T nhất trí để con chung cho chị L nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000đ/tháng, chị L nhất trí với mức cấp dưỡng trên. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Đỗ Tiến Đ cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp. Anh T được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị L và anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đàm Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị Kim L và anh Đỗ Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 4/3/2016 cho chị Đàm Thị Kim L nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đỗ Quang T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị Kim L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000353 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Quang T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung